

ỦY BAN THƯỜNG VỤ
QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Pháp lệnh số: 06/2008/
PL-UBTVQH12

PHÁP LỆNH công an xã

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2007/QH12 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh nhiệm kỳ khóa XII (2007 - 2011) và năm 2008;

Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh công an xã.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Pháp lệnh này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, hoạt động của Công an xã; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân và chế độ, chính sách đối với Công an xã.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Pháp lệnh này áp dụng đối với Công

an xã và cơ quan, tổ chức, cá nhân trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 3. Vị trí, chức năng của Công an xã

1. Công an xã là lực lượng vũ trang bán chuyên trách, thuộc hệ thống tổ chức của Công an nhân dân, làm nòng cốt trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã.

2. Công an xã có chức năng tham mưu cho cấp ủy Đảng, Ủy ban nhân dân cùng cấp về công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã; thực hiện chức năng quản lý về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, các biện pháp phòng, chống tội phạm và các vi phạm pháp luật khác về an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Công an xã

1. Công an xã chịu sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của cấp ủy Đảng, sự quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân cùng

cấp và sự chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ của Công an cấp trên.

2. Hoạt động của Công an xã tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; cấp dưới phục tùng cấp trên; dựa vào nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân.

Điều 5. Xây dựng lực lượng Công an xã

1. Công dân Việt Nam có đủ tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ học vấn, sức khỏe theo quy định của Chính phủ, có nguyện vọng và năng khiếu phù hợp với công tác công an thì được xem xét, tuyển chọn vào Công an xã.

2. Nhà nước có chính sách ưu tiên xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng ổn định lực lượng Công an xã; có chế độ đãi ngộ và bảo đảm các điều kiện hoạt động cho Công an xã.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân có nghĩa vụ tham gia xây dựng lực lượng Công an xã.

Điều 6. Giám sát hoạt động của Công an xã

1. Cơ quan của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện pháp luật về Công an xã.

2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận có trách

nhiệm phối hợp, cộng tác, giúp đỡ Công an xã thực hiện nhiệm vụ; giám sát hoạt động của Công an xã; động viên mọi tầng lớp nhân dân tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Điều 7. Quan hệ phối hợp giữa Công an xã với cơ quan, tổ chức, cá nhân và đơn vị vũ trang nhân dân trong lĩnh vực bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội

1. Công an xã chủ trì, phối hợp với Dân quân tự vệ, đơn vị Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, cơ quan, tổ chức trên địa bàn xã thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã.

2. Đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã có trách nhiệm phối hợp, cộng tác, giúp đỡ Công an xã thực hiện nhiệm vụ.

Điều 8. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Tổ chức, sử dụng lực lượng Công an xã trái với quy định của Pháp lệnh này.

2. Giả danh Công an xã.

3. Chống lại hoặc cản trở Công an xã thi hành công vụ.

4. Sản xuất, mua bán, sử dụng trái phép vũ khí, công cụ hỗ trợ, trang phục, phù hiệu của Công an xã.

5. Lợi dụng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Công an xã để gây phiền hà, sách nhiễu nhân dân, xâm phạm lợi ích của

Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

6. Hành vi vi phạm pháp luật khác liên quan đến tổ chức, hoạt động của Công an xã.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ TỔ CHỨC CỦA CÔNG AN XÃ

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Công an xã

1. Nắm tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã, đề xuất với cấp ủy Đảng, Ủy ban nhân dân cùng cấp và cơ quan Công an cấp trên về chủ trương, kế hoạch, biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội và tổ chức thực hiện chủ trương, kế hoạch, biện pháp đó.

2. Làm nòng cốt xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện quy định của pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã theo thẩm quyền.

3. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã và tổ chức thực hiện quy định của pháp luật về quản lý, giáo dục các đối tượng phải chấp hành hình phạt quản chế, cải

tạo không giam giữ, người bị kết án tù nhưng được hưởng án treo cư trú trên địa bàn xã; quản lý người được đặc xá, người sau cai nghiện ma túy và người chấp hành xong hình phạt tù thuộc diện phải tiếp tục quản lý theo quy định của pháp luật.

4. Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức và lực lượng khác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh chống tội phạm và tệ nạn xã hội theo quy định của pháp luật; bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ tính mạng, tài sản của cá nhân, cơ quan, tổ chức trên địa bàn xã.

5. Thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý cư trú, chứng minh nhân dân và các giấy tờ đi lại khác; quản lý vật liệu nổ, vũ khí, công cụ hỗ trợ, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường; quản lý về an ninh, trật tự đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trên địa bàn xã theo phân cấp và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Công an.

6. Tiếp nhận, phân loại, xử lý theo thẩm quyền các vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã; kiểm tra người, đồ vật, giấy tờ tùy thân, thu giữ vũ khí, hung khí của người có hành vi vi phạm pháp luật quả tang; tổ chức cấp cứu nạn nhân, bảo vệ hiện trường và báo cáo ngay cho cơ quan có thẩm quyền; lập hồ sơ ban đầu, lấy lời khai người bị

hại, người biết vụ việc, thu giữ, bảo quản vật chứng theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Công an; cung cấp hồ sơ, tài liệu, vật chứng, thông tin thu thập được và tạo điều kiện cho cơ quan có thẩm quyền xác minh, xử lý vụ việc.

7. Tổ chức bắt người phạm tội quả tang, người có quyết định truy nã, truy tìm đang lẫn trốn trên địa bàn xã; dẫn giải người bị bắt lên cơ quan Công an cấp trên trực tiếp.

8. Xử phạt vi phạm hành chính; lập hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính khác đối với người vi phạm pháp luật trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Công an.

9. Được yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã phối hợp hoạt động, cung cấp thông tin và thực hiện nhiệm vụ có liên quan đến bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

10. Trong trường hợp cấp thiết, đề cấp cứu người bị nạn, cứu hộ, cứu nạn, đuổi bắt người phạm tội quả tang, người có quyết định truy nã, truy tìm, được huy động người, phương tiện của tổ chức, cá nhân và phải trả lại ngay phương tiện được huy động khi tình huống chấm dứt và báo cáo ngay với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp.

Trường hợp có thiệt hại về tài sản thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật; người được huy động làm nhiệm vụ mà bị thương hoặc bị chết thì được giải quyết theo chính sách của Nhà nước.

11. Được sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ và thực hiện một số biện pháp công tác công an theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Công an để bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã.

12. Tham gia thực hiện công tác tuyển sinh, tuyển dụng vào lực lượng vũ trang nhân dân; luyện tập, diễn tập thực hiện các phương án quốc phòng, an ninh, cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hậu quả thiên tai và các sự cố nghiêm trọng khác.

13. Xây dựng lực lượng Công an xã trong sạch, vững mạnh về chính trị, tổ chức và nghiệp vụ.

14. Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Tổ chức của Công an xã

1. Công an xã gồm các chức danh: Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và Công an viên.

Công an viên được bố trí tại thôn, xóm, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc và bố trí làm nhiệm vụ thường trực tại trụ sở hoặc nơi làm việc của Công an xã.

2. Chính phủ quy định khung số lượng Phó trưởng Công an xã và Công an viên.

Căn cứ vào quy định khung số lượng của Chính phủ và tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định cụ thể số lượng Phó trưởng Công an xã và Công an viên từng xã.

3. Trưởng Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) sau khi trao đổi, thống nhất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, cách chức Trưởng Công an xã; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó trưởng Công an xã.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã theo đề nghị của Trưởng Công an xã quyết định công nhận, miễn nhiệm Công an viên.

4. Trong trường hợp cần thiết, do yêu cầu bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội, Giám đốc Công an cấp tỉnh sau khi trao đổi, thống nhất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, quyết định điều động sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân đảm nhiệm các chức danh Công an xã.

5. Công an xã có con dấu riêng.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Công an xã

Trưởng Công an xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của

Công an xã quy định tại Điều 9 của Pháp lệnh này; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Ủy ban nhân dân cùng cấp và Công an cấp trên về hoạt động của Công an xã.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó trưởng Công an xã

Phó trưởng Công an xã giúp Trưởng Công an xã thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng Công an xã; khi Trưởng Công an xã vắng mặt thì Phó trưởng Công an xã được Trưởng Công an xã ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Công an xã.

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Công an viên

Công an viên thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng Công an xã; chịu trách nhiệm triển khai thực hiện chủ trương, kế hoạch, biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa bàn dân cư do mình phụ trách và thực hiện các nhiệm vụ khác về bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội do Trưởng Công an xã giao.

Chương III

BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG VÀ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÔNG AN XÃ

Điều 14. Bảo đảm kinh phí và cơ sở

vật chất phục vụ hoạt động của Công an xã

1. Nguồn kinh phí phục vụ hoạt động của Công an xã gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.

2. Nhà nước bảo đảm kinh phí và cơ sở vật chất phục vụ hoạt động, đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng, thực hiện chế độ, chính sách và các điều kiện cần thiết khác cho Công an xã.

3. Chính phủ quy định cụ thể về chi ngân sách bảo đảm hoạt động của Công an xã.

Điều 15. Nơi làm việc và trang bị của Công an xã

1. Công an xã có trụ sở hoặc nơi làm việc riêng phù hợp với điều kiện và yêu cầu nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở.

2. Công an xã được trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ, hồ sơ, sổ sách và trang thiết bị, phương tiện cần thiết khác để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Vũ khí, công cụ hỗ trợ và trang thiết bị của Công an xã phải được đăng ký, quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Công an.

Điều 16. Trang phục, phù hiệu, giấy chứng nhận Công an xã

Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công

an xã và Công an viên được trang bị, sử dụng trang phục, phù hiệu, giấy chứng nhận Công an xã theo quy định của Chính phủ.

Điều 17. Đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng Công an xã

1. Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã phải được đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của Chính phủ.

2. Hàng năm, Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và Công an viên được huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức chính trị, pháp luật, nghiệp vụ theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Công an quy định.

Điều 18. Tiền lương và phụ cấp đối với Công an xã

1. Trưởng Công an xã được hưởng lương và phụ cấp theo quy định của pháp luật.

2. Phó trưởng Công an xã và Công an viên được hưởng phụ cấp hàng tháng. Chính phủ quy định khung mức phụ cấp đối với Phó trưởng Công an xã và Công an viên. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quy định của Chính phủ và thực tế ở địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phụ cấp cụ thể.

Điều 19. Chế độ, chính sách đối với Công an xã

1. Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và Công an viên thực hiện

bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật.

2. Trưởng Công an xã có thời gian công tác liên tục từ đủ 60 tháng trở lên được hưởng phụ cấp thâm niên; có thời gian công tác liên tục từ đủ 15 năm trở lên nếu nghỉ việc vì lý do chính đáng mà chưa đủ điều kiện nghỉ hưu thì được hưởng trợ cấp một lần.

3. Phó trưởng Công an xã và Công an viên có thời gian công tác liên tục từ đủ 15 năm trở lên nếu nghỉ việc vì lý do chính đáng thì được hưởng trợ cấp một lần.

4. Phó trưởng Công an xã và Công an viên khi được cử đi tập trung đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng chính trị, pháp luật, nghiệp vụ được hưởng chế độ bồi dưỡng bằng mức tiền ăn cơ bản của chiến sĩ phục vụ có thời hạn trong Công an nhân dân; khi đi công tác được hưởng chế độ công tác phí.

5. Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và Công an viên khi làm nhiệm vụ thường trực sẵn sàng chiến đấu tại những nơi thuộc địa bàn trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự được hưởng chế độ theo quy định.

6. Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và Công an viên trong khi thi hành nhiệm vụ nếu bị thương hoặc hy sinh thì được hưởng các chế độ, chính

sách theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng; Phó trưởng Công an xã, Công an viên trong thời gian công tác nếu ốm đau được khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế và được xem xét hỗ trợ tiền khám, chữa bệnh từ nguồn ngân sách địa phương.

Chính phủ quy định cụ thể Điều này.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG AN XÃ

Điều 20. Quản lý nhà nước về Công an xã

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về Công an xã.

2. Bộ Công an chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về Công an xã.

Điều 21. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về Công an xã.

2. Quy định cụ thể và chỉ đạo thực hiện việc điều động sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân đảm nhiệm các chức danh Công an xã.

3. Quy định chương trình, nội dung, thời gian và tổ chức huấn luyện, bồi

dưỡng chính trị, pháp luật, nghiệp vụ cho Công an xã.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ đối với Công an xã; quy định số lượng, chủng loại và hướng dẫn quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ và trang thiết bị cho Công an xã.

5. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân các cấp về việc quản lý, xây dựng lực lượng Công an xã, bảo đảm các điều kiện hoạt động của Công an xã, thực hiện các chế độ, chính sách đối với Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và Công an viên.

6. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; khen thưởng và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật; đình chỉ, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền đình chỉ, bãi bỏ những quy định về Công an xã trái với quy định của pháp luật.

Điều 22. Trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ

Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công an thực hiện quản lý nhà nước về Công an xã theo quy định của Pháp lệnh này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 23. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về Công an xã theo quy định của Pháp lệnh này và các quy định khác của pháp luật có liên quan, bao gồm:

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về Công an xã.

2. Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về Công an xã.

3. Thực hiện chức năng quản lý, chỉ đạo tổ chức, hoạt động của Công an xã theo thẩm quyền và theo hướng dẫn của Công an cấp trên; bố trí trụ sở hoặc nơi làm việc cho Công an xã; cấp kinh phí, bảo đảm cho hoạt động của Công an xã và thực hiện các chế độ, chính sách đối với Trưởng Công an xã, Phó trưởng Công an xã và Công an viên.

4. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; khen thưởng và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Các quy định của Pháp lệnh này được áp dụng đối với Công an thị trấn nơi chưa bố trí tổ chức Công an chính quy.

2. Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2009.

Điều 25. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành

Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Pháp lệnh; hướng dẫn những nội dung

cần thiết khác của Pháp lệnh này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước./.

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2008

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ
QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH

Nguyễn Phú Trọng